

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HS-PT
Ngày 07 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Trương Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Lê Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2026/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn Q, sinh ngày 20/5/1992 tại tỉnh Thanh Hóa; số căn cước công dân: 038092011126; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1970 và bà Lê Thị M, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 51 phút ngày 09/7/2025, Lê Văn Q (có giấy phép lái xe hạng C) điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 29LD-316.49 chở bánh Richy đi từ Thành phố Hà Nội đến tỉnh Tây Ninh. Khi đến đoạn đường Q địa phận thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai, Q điều khiển xe đi theo hướng Bắc - N với vận tốc khoảng 52km/giờ ở làn đường bên trái sát dải phân cách cố định. Khi Q điều khiển xe ô tô đến đoạn ngã tư giao nhau giữa Quốc lộ A và đoạn mở dải phân cách, trước khi vào ngã tư, đoạn

đường có vạch sơn gờ giảm tốc, có biển báo nguy hiểm “Đi chậm” nhưng Q vẫn giữ nguyên hướng điều khiển và vận tốc. Vào lúc này, ông Nguyễn Công T (không có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77L1-133.45 lưu thông ở phía trước cùng chiều trên làn đường bên phải, rồi chuyển hướng rẽ trái theo hướng Tây – Đông sang làn đường bên trái sát dải phân cách cố định để qua khoảng trống giữa hai đầu dải phân cách cố định. Do thiếu chú ý quan sát ở phía trước nên Q không thấy ông T đang chuyển hướng qua đường. Khi xe ông T cách xe ô tô khoảng 04m thì lúc này Q mới phát hiện thấy ông T ở phía trước đầu xe ô tô tải, Q điều khiển xe ô tô lách qua bên trái và đạp phanh để tránh nhưng do khoảng cách gần dẫn đến phần cản trước bên phải của xe ô tô tải 29LD-316.49 do Q điều khiển va chạm với phần mặt sau thanh nâng yên xe mô tô 77L1-133.45 do T điều khiển làm xe mô tô trên và ông T ngã nằm trên đường. Hậu quả, ông T tử vong tại chỗ và xe mô tô bị hư hỏng.

Tại Kết luận giám định tử thi số 11A/KLGĐTT-PYGL ngày 28/8/2025, Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận nguyên nhân chết của ông T là do suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do chấn thương gây dập nát ngực, bụng.

Tại Kết luận giám định số 191/KL-KTHS ngày 10/9/2025, Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận: Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai xe là mặt trước cản trước bên phải của xe ô tô 29LD-316.49 với mặt sau thanh nâng yên xe mô tô 77L1-133.45, khi va chạm xe mô tô 77L1-133.45 ở tư thế đứng.

Tại Bản kết luận định giá số 04/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã P kết luận xe ô tô tải 29LD-316.49 bị hư hỏng một số bộ phận có giá trị thành tiền là 4.700.000 đồng và xe mô tô 77L1-133.45 bị hư hỏng một số bộ phận có giá trị thành tiền là 1.410.000 đồng.

Kết quả xét nghiệm nồng độ Ethanol (cồn) trong máu và kết quả xét nghiệm nước tiểu của Lê Văn Q tại Bệnh viện Đ vào ngày 09/7/2025 là 0mg/Dl và âm tính với các chất ma túy.

Kết quả xét nghiệm nồng độ Ethanol (cồn) trong máu và kết quả xét nghiệm nước tiểu của ông Nguyễn Công T tại Trung tâm y tế T3 vào ngày 10/7/2025 là 0mg/Dl và âm tính với các chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã ra quyết định trả lại xe ô tô tải và xe mô tô trên cho các chủ sở hữu hợp pháp; không có ai có yêu cầu xem xét nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với các phương tiện giao thông trên.

Lê Văn Q cùng chủ phương tiện đã khắc phục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 260.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu nào khác về dân sự. Đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự và xin được giảm nhẹ hình phạt đối với Q.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 09/4/2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Q 15 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Ngoài ra, bản án sơ

thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/4/2026, bị cáo Lê Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q thay đổi yêu cầu kháng cáo, rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chỉ xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Q, xử phạt bị cáo Q 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 15 giờ 51 phút ngày 09/7/2025 tại Km 1158+400 Quốc lộ A đoạn qua thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai đã xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ giữa xe ô tô tải 29LD-316.49 do Lê Văn Q (có giấy phép lái xe hạng C) điều khiển hướng Bắc – Nam với xe mô tô 77L1-133.45 do ông Nguyễn Công T (không có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều với xe ô tô tải rồi sau đó chuyển hướng T1 – Đông. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Q điều khiển xe thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đến đoạn đường có vạch sơn gờ giảm tốc, biển báo nguy hiểm “Đi chậm”, nơi ngã tư giao nhau dẫn đến xảy ra va chạm với xe mô tô do ông T điều khiển làm ông T tử vong tại chỗ.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã xét xử bị cáo Lê Văn Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “Làm chết người” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng cho người khác nên cần phải xử lý nghiêm nhằm phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q thay đổi yêu cầu kháng cáo, rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chỉ xin được hưởng án treo.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo nêu trên của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và không liên quan đến nội dung kháng cáo còn lại của bị cáo; căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng chủ phương tiện đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Q 15 tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như: Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa) thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang ở chung và trực tiếp nuôi dưỡng bố mẹ, bố mẹ bị cáo thường xuyên đau ốm và không có thu nhập ổn định và đang nằm viện; người đại diện hợp pháp của bị hại tiếp tục có đơn xin bãi nại miễn trách nhiệm hình sự và xin cho bị cáo được hưởng án treo; ông ngoại của bị cáo là anh trai của Liệt sĩ Lê Xuân T2; bác ruột của bị cáo là ông Lê Văn K đã hoàn thành nhiệm vụ thanh niên xung phong khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng kinh tế mới sau ngày 30/4/1975 và đã có nhiều đóng góp xây dựng tổ chức, hoạt động của Hội cựu thanh niên xung phong Việt Nam.

Xét thấy, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và đồng thời trong vụ án này bị hại ông T cũng có một phần lỗi là điều khiển xe tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, chuyển hướng xe thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo khoảng cách an toàn với xe phía sau. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, đồng thời việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Q, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn Q.

2. Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn Q. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 09/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Q.

3. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

4. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 07/7/2026).

Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn Q không phải chịu.

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 3 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Sỹ